

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày 01-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Công H, sinh năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Không biết C; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công N (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án: Tại Bản án số 23/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22 tháng 4 năm 2019; chuyển tạm giam từ ngày 01 tháng 5 năm 2019; có mặt.

2. Vũ Văn L, sinh năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Phạm Thị N; bị cáo có vợ là Cao Thị H; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22 tháng 4 năm 2019; chuyển tạm giam từ ngày 01 tháng 5 năm 2019; có mặt.

3. Vũ Văn Đ, sinh năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ là Bùi Thị L; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22 tháng 4 năm 2019; chuyển tạm giam từ ngày 01 tháng 5 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Phạm Huy H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lê Thị Khánh L, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Chị Nguyễn Thị N; vắng mặt

+ Anh Trần Tuấn A; vắng mặt.

+ Anh Đặng Duy C; có mặt.

+ Anh Lê Công C; vắng mặt

+ Anh Mai Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 21 tháng 4 năm 2019, anh Phạm Huy H, sinh năm 1995, ĐKKHKT tại: thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng đến chơi với bạn gái là Bùi Thị M, sinh năm 1988, ĐKKHKT: thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đang thuê phòng trọ ở khu Máy Kéo, thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh H dựng xe mô tô Yamaha Jupiter màu đen-xám, biển số 15C1-274.06 trước cửa phòng rồi vào nhà ngủ tại đây. Khoảng 01 giờ ngày 22 tháng 4 năm 2019, Lê Công H đi bộ một mình qua khu vực này thì phát hiện thấy chiếc xe trên nên nảy sinh ý định trộm cắp. H mở cổng đi vào, thấy chiếc xe không có chìa khóa nhưng không khóa cổ nên dắt xe ra khỏi dãy nhà trọ rồi gọi điện cho anh Đặng Duy C, sinh năm 1991, trú tại: thôn 2, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đến đón H. Anh C đi xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 16L1-1602 đến chỗ H, cách khu nhà trọ khoảng 200 mét. Khi anh C đến chỗ hẹn, H bảo anh C ngồi lên chiếc xe Jupiter, còn H điều khiển xe Sirius đẩy anh C và chiếc xe Jupiter về đến khu vực nghĩa địa cạnh đầm cá của gia đình H ở xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Về đến nghĩa địa, H để xe ở đó rồi cùng anh C đi về nhà H ở cách đó khoảng 100 mét, mục đích để tìm người hỏi cách đấu điện cho xe nổ máy thì gặp Vũ Văn L đang chơi ở nhà H. H hỏi L: “Có

biết đầu điện xe máy không?”. L bảo: “có”. H dẫn L ra chỗ chiếc xe. L hỏi: “Xe lấy ở đâu?”. H bảo: “Xe vừa lấy trộm được bên Máy Kéo”. Lúc này anh C mới biết chiếc xe nói trên là xe trộm cắp. L H dẫn cho H cách đầu nối dây điện, khởi động xe để đi lại. Sau đó, H lấy cờ lê tháo biển số xe Jupiter rồi mở cốp xe thấy có một số giấy tờ và bao cao su. H bỏ toàn bộ vào 01 túi nilon đưa cho C bảo C đem cất hộ. C cầm lấy túi nilon đem ra khu vực đầm sen gần đó, lấy biển số xe giấu đi, những giấy tờ còn lại đem đốt để tránh bị liên lụy, sau đó đi về nhà.

Tiếp theo, H nhờ L tìm chỗ để cất giấu xe H vừa trộm cắp được, L bảo đem xe đến phòng trọ của Vũ Văn Đ đang ở cùng bạn gái là Nguyễn Thị N sinh năm 1998, ĐKHKT: xóm V, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình thuê ở thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để gửi. H điều khiển chiếc xe Jupiter trên chõ L đi đến phòng trọ của N. Khi đến nơi, H và L gọi cửa và gọi điện cho Đ nhưng không được nên đi tìm chỗ khác để cất giấu xe. Khi về đến đoạn đường gần khu chợ thuộc xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thì Đ gọi điện lại và hẹn chờ ở đó Đ ra. Khi gặp Đ, H bảo Đ: “Anh mới lấy trộm được chiếc xe, mày cho anh gửi nhờ”. Đ đồng ý và đưa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, BKS: 16R8-4975 mà Đ đang đi cho H và L sử dụng, còn Đ điều khiển xe Jupiter H vừa lấy trộm về phòng trọ của N. Khi Đ về phòng trọ, N hỏi: “xe ở đâu?”. Đ bảo: “Xe của ông anh mới lấy trộm, cho gửi nhờ”. N bảo: “xe trộm cắp thì không để đây được, ảnh hưởng”. Nhưng Đ bảo: “Cho ông ấy gửi nhờ một đêm thôi, sáng mai lấy” thì N không nói gì nữa.

H và L đi về nhà H ngủ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H gọi điện liên hệ với Lê Công C, sinh năm 1977, ở thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhờ anh C tìm chỗ bán xe hộ. C đồng ý và hẹn H 11 giờ ra chân cầu An Dương để gặp người mua xe. H liền gọi L dậy rồi đi đến chỗ Đ lấy chiếc xe trộm cắp được để đem đi bán. H lấy chiếc xe Jupiter trên chõ L đi ra cầu An Dương gặp C. Tại đây, C gặp người đàn ông tên Thùy (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) trao đổi về chiếc xe. Thùy xem xe và trả giá 2.500.000 đồng thì H không bán. H chõ L quay lại phòng trọ của Đ nhờ Đ bán giúp chiếc xe Jupiter trên. Đ đồng ý rồi dẫn L và H đến chỗ người thanh niên tên V (chưa rõ lai lịch) ở khu vực Cầu Đen, xã Đặng Cương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. V xem xe nhưng thấy xe không có giấy tờ nên không mua. Đ bảo với H và L tìm chỗ kín đáo để cất giấu xe. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe Nouvo dẫn H điều khiển xe Jupiter chõ L đi về nhà anh Trần Tuấn A, sinh năm: 1987, ở thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Khi đó tại nhà Tuấn A chỉ có Mai Văn T, sinh năm 1994, trú tại: thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng đang ngồi chơi. Đ dắt xe Jupiter vào trong nhà rồi dặn T nếu Tuấn A về có hỏi thì bảo là xe Đ gửi. Sau khi chõ H về nhà, Đ và L đi tìm chỗ để bán xe cho H. Sau khi Đ đã liên hệ với một số người nhưng không có ai mua xe nên Đ và L quay về nhà H. Khi đó tại nhà H có người thanh niên tên Ấm, nhà ở Đại Bản đang ngồi chơi nên H nhờ Ấm tìm người mua xe. Ấm liên hệ được với người muốn mua xe, bảo H lấy xe về để cho khách xem xe. Khoảng 18 giờ cùng ngày Đ điều khiển xe Nouvo chõ L và H đến nhà anh Tuấn A để lấy chiếc xe Jupiter. Khi H vừa dắt xe Jupiter trộm cắp được ra khu vực

công nhà Tuấn Anh định nổ máy đi thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra. H, Đ và L bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài chiếc xe mô tô Jupiter màu đen xám nói trên, lực lượng Công an đã tiến hành tạm giữ 01 chiếc xe mô tô Jupiter Gravita, biển số 16R5-1834, 01 chiếc Nouvo biển số 16R8-4975; 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng của Lê Công H, 01 điện thoại OPPO màu xanh đen của Vũ Văn L, 01 điện thoại Iphone 5 màu đen của Vũ Văn Đ.

Trong cùng ngày 22 tháng 4 năm 2019, anh Phạm Huy H có đơn trình báo tới Công an huyện An Dương về việc mất trộm xe chiếc xe Jupiter biển số 15C1-274.06. Ngày 23 tháng 4 năm 2019, anh Đặng Duy Cương đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 biển số xe 15C1-274.06 để phục vụ công tác điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương kết luận, chiếc xe bị H chiếm đoạt có giá trị 16.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 48/CT – VKS ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Lê Công H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Lê Công H khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe Jupiter biển số 15C1-274.06 của anh Phạm Huy H vào thời gian và địa điểm như nội dung Cáo trạng. Bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ thừa nhận các bị cáo biết rõ tài sản do Lê Công H trộm cắp mà có nhưng vẫn nhận lời đưa tài sản đi cất giấu chờ cơ hội đem đi bán lấy tiền ăn tiêu. Các bị cáo thừa nhận hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với các bị cáo. Qua quan điểm phát biểu Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Công H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có". Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Công H từ 21 (hai mươi một) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, Điều 323; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn L từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Đ từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt đến nay không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng tạm giữ của Lê Công H là tài sản do bị cáo H mượn của chị Lê Thị Khánh L do vậy trả lại cho chị Ly sử dụng; tạm giữ 01 điện thoại OPPO màu xanh đen của Vũ Văn L và 01 điện thoại Iphone 5 màu đen của Vũ Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo Lê Công H, Vũ Văn L và Vũ Văn Đ đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của bị cáo Lê Công H, bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp bản kết luận định giá tài sản ngày 26 ngày 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Công H đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển số 15C1-274.06 trị giá 16.8000.000đồng của anh Phạm Huy H tại xóm Máy Kéo, thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 4 năm 2019. Như vậy hành vi của bị cáo Lê Công H đã phạm tội *Trộm cắp tài sản* vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vũ Văn L và Vũ Văn Đ, biết rõ chiếc xe trên là tài sản do Lê Công H trộm cắp mà có song vẫn giúp H cất giấu chiếc xe để tránh người khác phát hiện, chờ cơ hội đem đi bán lấy

tiền ăn tiêu. Hành vi của bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ đã phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" vi phạm Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Các bị cáo Lê Công H, Vũ Văn L, Vũ Văn Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên phải xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản bị cáo Lê Công H trộm cắp có giá trị 16.8000.000đồng nên hành vi của bị cáo Lê Công H đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Văn L và Vũ Văn Đ đã phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

“Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ từng tham gia nghĩa vụ quân sự, có ông nội, ông ngoại tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huân chương nên các bị cáo L, Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Lê Công H: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, xử phạt bị cáo Lê Công H 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có tính tổ chức. Để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, phân hoá vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Lê Công H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản còn bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ là đồng phạm về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Do vậy bị cáo Lê Công H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Vũ Văn L và Vũ Văn Đ. Bị cáo Vũ Văn L và Vũ Văn Đ có vai trò thực hành tội phạm ngang nhau nên phải chịu mức hình phạt như nhau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt đến nay không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 03 chiếc xe mô tô cho chủ tài sản hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng tạm giữ của Lê Công H là tài sản do bị cáo H mượn của chị L nên trả cho chị L sử dụng, 01 điện thoại Iphone 5 màu đen thu giữ của bị cáo Vũ Văn Đ và 01 điện thoại OPPO màu xanh đen thu giữ của Vũ Văn L là tài sản bị cáo L mượn của bị cáo Đ không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về những vấn đề khác:

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bản thân các bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[10] Đối với Nguyễn Thị N, biết chiếc xe Đ mang về phòng trọ là tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn để cho Đ cất giấu lại qua đêm. Tuy nhiên xét mối quan hệ tình cảm của Đ và N, Đ và N cùng góp tiền để trả tiền trọ hàng tháng. Thời điểm Đ mang xe về phòng trọ, ban đầu N không đồng ý nhưng vì nể người yêu nên N để cho Đ gửi xe lại. Tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của N gây ra là không đáng kể nên Cơ quan điều tra căn cứ khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự, miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N là có căn cứ.

[11] Đối với Lê Công C, là người được H nhờ bán hộ chiếc xe trộm cắp. Quá trình xem xe, do không thỏa thuận được về giá cả nên H không đồng ý bán xe. Hành vi của C có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên H chỉ nhờ C tìm người để bán xe nhưng không giao xe cho C và việc mua bán chưa hoàn thành. Hiện tại chưa xác định được nhân thân lai lịch của người đến xem xe của H trộm cắp. Tài liệu điều tra hiện chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với C nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

[12] Đối với Đặng Duy C là người giúp H đẩy xe từ chỗ trộm cắp về nghĩa địa gần nhà H. Tuy nhiên chỉ khi về đến nơi, anh C mới được biết chiếc xe H nhờ đẩy là xe trộm cắp nên không xử lý đối với anh C về hành vi Trộm cắp tài sản. Về hành vi anh C giúp H cất giấu biển số xe và phi tang giấy tờ trong cốp xe, có dấu

hiệu của tội Che giấu tội phạm, nhưng hành vi phạm tội của H là ít nghiêm trọng nên không đủ căn cứ để khởi tố đối với anh C về tội danh trên.

[13] Đối với anh Trần Tuấn A và anh Mai Văn T, khi H, Đ, L đem xe trộm cắp được đến gửi thì Tuấn Anh không có nhà, không biết về việc nhóm của H gửi xe lại, còn anh T có mặt ở đó nhưng không biết về nguồn gốc xe nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[14] Đối với những người thanh niên có tên V, A, T hiện chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể, chưa lấy được lời khai, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

- Về án phí: Các bị cáo Lê Công H, Vũ Văn L và Vũ Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Công H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 323; Điều 38; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Vũ Văn L 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Xử phạt: Vũ Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Lê Công H, Vũ Văn L và Vũ Văn Đ.

Về vật chứng: Trả lại cho chị Lê Thị Khánh L 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng thu giữ của bị cáo Lê Công H. Tạm giữ 01 điện thoại OPPO màu xanh đen và 01 điện thoại Iphone 5 màu đen của bị cáo Vũ Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương và Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc

các bị cáo Lê Công H, Vũ Văn L và Vũ Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Lê Công H, bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Vũ Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Sở Tư pháp HP; Phòng PV6, PC10;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi

